**DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIÁO SOẠN BÀI 6- DỰ ÁN GIÁO ÁN MIỄN PHÍ 2022**

BỘ SGK CÁNH DIỀU

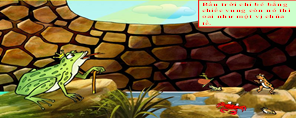
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **BÀI** | **HỌ VÀ TÊN** | **ĐƠN VỊ CÔNG TÁC** | **SĐT** | **CÔNG VIỆC** |
| **Bài 6** | **1. Phạm Thị Kim Dung** | THCS và THPT Tạ Quang Bửu – Hai Bà Trưng - HN | 0336032445 |  |
| **2. Nguyễn Thu Thanh** | Trường THCS Đa Tốn Gia Lâm Hà Nội | 0982470093 |  |
| **3. Phạm Thị Tươi** | THCS Hoàng Diệu – Thái Bình | 0977948099 |  |
| **4. Hoàng Bích Xuân** | Trường THCS Xuân Thu – Sóc Sơn - Hà Nội | 0982545142 |  |
| **5. Trần Thị Phương Anh** | Đồng Tiến Phổ Yên, Thái Nguyên | 0984889160 |  |
| **6. Phạm Thị Lâm** | THCS Trới, Hoành Bồ, Hạ Long, Quảng Ninh | 0967 678 556 |  |

**BÀI 6**

**TRUYỆN NGỤ NGÔN VÀ TỤC NGỮ**

**Đọc, hiểu văn bản (1)**

**ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG**

****

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, vần, nhịp, hình ảnh, ...); nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, bài học, ... của truyện ngụ ngôn.

***2. Về phẩm chất:***

- Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn và học hỏi; tự tin, dám chịu trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh minh họa.

- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**a. Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi để hỏi HS.

**HS** quan sát hình ảnh và đoán các tên truyện tương ứng với các hình ảnh.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và từ khóa truyện ngụ ngôn.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Trò chơi: Đuổi hình bắt chữ.

- Quan sát hình ảnh và đoán tên truyện tương ứng với các hình ảnh mà các em vừa quan sát?

Gv trình chiếu hoặc cho học sinh xem các hình ảnh khác nhau.

Thỏ và Rùa (8 chữ cái) Con cáo và chùm nho (15)



Chó Sói và cừu (11) Éch ngồi đáy giếng (15)

Thầy bói xem voi (13) Trí khôn của ta đây (15)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**- GV** hướng dẫn HS quan sát hình ảnh, đoán tên truyện.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

**- HS** đoán tên các truyện tương ứng với các hình ảnh.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

Gv: Em nhận ra đặc điểm chung của những truyện này là gì?

- Đều có hình ảnh có các loài vật

Gv: Mượn hình ảnh loài vật để nói chuyện con người đó chính là đặc điểm nhận diện của thể loại truyện ngụ ngôn. Để hiểu sâu hơn về thể loại này, hôm nay cô cùng các con sẽ tìm hiểu truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng.*

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (114’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Tìm hiểu chung** | |
| **Mục tiêu**: Nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại truyện ngụ ngôn.  **Nội dung**: **HS trả lời, hoạt động cá nhân.**  **- GV** sử dụng kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi.  **- HS** dựa vào phần Kiến thức ngữ văn để hoàn thành nhiệm vụ nhóm.  **Sản phẩm:**  - Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về truyện ngụ ngôn. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **\* Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  - GV giao nhiệm vụ: Têu cầu HS đọc phần *Kiến thức ngữ văn* trong SGK trang 03 để nêu những hiểu biết về thể loại truyện ngụ ngôn.  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc phần *Kiến thức ngữ văn* trong SGK trang 03 và tái hiện kiến thức trong phần đó.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trình bày cá nhân.  - Các HS khác nhận xét.  - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.  - GV chiếu cho HS xem một **số hình ảnh về thế giới truyện ngụ ngôn.**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định**  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức trên các slide và chuyển dẫn sang mục sau.  Ngụ: Hàm chứa ý kín đáo  Ngôn: Lời nói.  => Ngụ ngôn: Nguyên nghĩa là lời nói có ngụ ý, tức lời nói có ý kín đáo để người đọc, người nghe tự suy ra mà hiểu | **1. Truyện ngụ ngôn:**  - Truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần.  - Có ngụ ý.  - Mục đích: mượn chuyện loài vật để kín đáo nói chuyện con người -> khuyên nhủ, răn dạy những bài học cho con người trong cuộc sống. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG (…’)** | | |
| **Mục tiêu**: - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, vần, nhịp, hình ảnh, ...); nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, bài học, ... của truyện ngụ ngôn.  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung  **HS** dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP  (1) GV hướng dẫn cách đọc: Đọc rõ ràng, rành mạch, thể hiện được sự ngông nghênh, kiêu ngạo của ếch, xen chút hài hước; chú ý chỉ dẫn đọc màu vàng bên phải mỗi phần.  - 2 HS đọc  - Nhận xét cách đọc của HS; trả lời hộp chỉ dẫn màu vàng bên phải.  - Tìm hiểu chú thích SGK.  THẢO LUẬN CẶP ĐÔI  **\* Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  - GV giao nhiệm vụ:  + Nêu những sự kiện chính của truyện.  + Hãy kể tóm tắt truyện từ 5-7 câu?  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận.  - GV quan sát, khích lệ HS.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức:  - Ếch sống lâu ngày trong giếng  - Tiếng kêu của nó làm các con vật nhỏ bé hoảng sợ.  - Nó tưởng trời chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể.  - Trời mưa làm nước dềnh lên đưa ếch ra ngoài  - Nó nghênh ngang coi thường xung quanh  - Cuối cùng bị con trâu dẫm bẹp.    (2) Nêu bố cục của văn bản? Có thể chia theo cách khác?  - HS phát biểu ý kiến.  - Tổ chức cho HS trao đổi ý kiến, nhận xét, bổ sung?  - GV tổng hợp ý kiến, kết luận.  THẢO LUẬN CẶP ĐÔI  **\* Bước 1: Giao nhiệm vụ.**  - GV giao nhiệm vụ:  + Xác định thể loại của truyện?  + Truyện kể về nhân vật nào?  + Xác định ngôi kể và thứ tự kể của truyện?  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức cho HS thảo luận.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức. | | **2. Tác phẩm**  a) Đọc và tóm tắt  - Đọc  - Tóm tắt  **b) Bố cục văn bản:**  **- Chia 2 phần.**  - Phần 1: Từ đầu ... *chúa tể* -> Cuộc sống của ếch khi ở trong giếng.  - Phần 2: Còn lại -> Cuộc sống của ếch khi ra khỏi giếng  **c) Thể loại, nhân vật , ngôi kể, thứ tự kể**  - Thể loại: truyện ngụ ngôn.  - Nhân vật chính: con ếch  - Ngôi kể thứ ba.  - Thứ tự: kể xuôi. |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | |
| **1. Câu chuyện của ếch** | | |
| **Mục tiêu**: - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, vần, nhịp, hình ảnh, ...); nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, bài học, ... của truyện ngụ ngôn.  **Nội dung**:  **GV** sử dụng phiếu học tập để hướng dẫn học sinh tìm hiểu.  **HS** suy nghĩ và làm việc cá nhân hoàn thành phiếu học tập, làm việc nhóm để tìm hiểu văn bản. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *- Nhóm 1, 2: Hoàn thành phiếu học tập số 1*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Hoàn cảnh sống** | **Hành động** | **Tính cách** | | **Ếch ở trong giếng** |  |  |  |   **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **- H trao đổi phiếu học tập, nhận xét, bổ sung cho nhau.**  **\* Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV** yêu cầu một vài HS trình bày phiếu học tập.  **HS** trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS  - Chốt nội dung (sản phẩm).  - Chuyển dẫn sang nội dung sau. | a. Ếch ở trong giếng:  - Hoàn cảnh sống: xung quanh ếch chỉ có vài con cua, ốc, nhái ...  -> Môi trường sống nhỏ bé, hạn hẹp.  - Hành động: Hàng ngày, ếch cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng khiến các con vật nhỏ bé hoảng sơ.  - Tính cách: Ếch cứ tưởng bầu trời chỉ bé bằng cái vung còn nó thì oai như một vị chúa tể.  -> Tầm nhìn, sự hiểu biết hạn chế và nông cạn.  -> Thái độ chủ quan, kiêu ngạo ... | |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *- Nhóm 3, 4: Hoàn thành phiếu học tập số 2*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Hoàn cảnh sống** | **Hành động** | **Tính cách** | | **Ếch ra ngoài giếng** |  |  |  |   **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - H trao đổi phiếu học tập, nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **- GV** yêu cầu một vài HS trình bày phiếu học tập.  **- HS** trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS  - Chốt nội dung (sản phẩm).  - Chuyển dẫn sang nội dung sau. | b. Ếch ra ngoài giếng:  - Hoàn cảnh sống: ếch ra bên ngoài giếng.  -> Môi trường sống thay đổi, rộng lớn.  - Hành động: Ếch nghênh ngang đi lại khắp nơi và cất tiếng kêu ồm ộp.  - Tính cách: Vẫn nghênh ngang, kiêu ngạo.  -> Thái độ vẫn chủ quan ... | |
| **? Thái độ sống ấy khiến ếch phải chịu hậu quả gì?**  - Nó đi lại nghênh ngang đi lại khắp nơi, chả thèm để ý đến xung quanh và bị trâu giẫm bẹp. | c. Kết quả: | |
| **\* Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  - Kĩ thuật: Khăn phủ bàn.  - Thời gian: 3 phút  *? Theo em nguyên nhân nào khiến ếch có kết cục bi thảm như vậy?*    **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  *- HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ. t*  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  *- HS trình bày, nhận xét cho nhau.*  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định.**  *- GV chốt*  - Trời mưa to hay con trâu đi qua không phải là nguyên nhân chính dẫn đến cái chết của ếch.  - Nguyên nhân của kết cục bi thảm đó là vì: Rời khỏi môi trường sống quen thuộc nhưng ếch lại không thận trọng. Nó vốn rất kiêu ngạo, nên chủ quan, nghênh ngang, nhâng nháo, chẳng thèm nhìn, chẳng thèm để ý xung quanh. Nghĩa là ếch vẫn cứ coi trời bằng vung như hồi ở trong giếng cạn.  GV: Cái chết của ếch là tất nhiên, khó tránh, không trước thì sau. Đó là kết quả của lối sống kiêu căng, hợm hĩnh nhưng hết sức ngu dốt, ngớ ngẩn. Ếch và những ai có lối sống như ếch thật đáng giận nhưng cũng thật đáng thương. | d. *Nguyên nhân dẫn đến cái chết của ếch*:  - Nguyên nhân khách quan: trời mưa to... con trâu đi qua...  - Nguyên nhân chủ quan: kiêu ngạo nên chủ quan.  -> Đó là kết quả của lối sống kiêu căng, hợm hĩnh nhưng hết sức ngu dốt, ngớ ngẩn. | |
| **2. Bài học nhận thức** | | |
| **\* Bước 1: Giao nhiệm vụ**  - Hình thức: Thảo luận nhóm đôi.  - Thời gian: 2 phút.  *? Từ cách sống và cái chết của ếch, em hãy nêu ra những bài học có thể rút ra từ truyện này? Theo em, đâu là bài học chính của câu chuyện?*  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  *- HS suy nghĩ, trả lời.*  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định**  *GV*: Những bài học trên có ý nghĩa nhắc nhở và khuyên bảo tất cả mọi người ở mọi lĩnh vực, nghề nghiệp, công việc cô thể ở nhiều hoàn cảnh khác nhau.Ý nghĩa của những bài học mà truyện ngô ngôn này nêu ra là rất rộng. | - Hoàn cảnh sống hạn hẹp sẽ ảnh hưởng đến nhận thức về chính mình và thế giới xung quanh.  - Không được chủ quan, kiêu ngạo, coi thường những đối tượng xung quanh.  - Dù môi trường, hoàn cảnh sống có giới hạn, khó khăn hay thay đổi vẫn phải cố gắng mở rộng tầm hiểu biết của mình bằng nhiều hình thức khác nhau. Phải biết những hạn chế của mình, để cố gắng mở rộng tầm hiểu biết, phải nhìn xa trông rộng. | |
| **III. TỔNG KẾT (…’)** | | |
| **Mục tiêu**: - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, vần, nhịp, hình ảnh, ...); nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, bài học, ... của truyện ngụ ngôn.  **Nội dung**:  - GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản…  - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm.  **Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| **\* Bước 1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  ? Khái quát nội dung, ý nghĩa văn bản?  ? Em thấy con ếch này có gần gũi không? Có mang đặc điểm tính cách giống con người không?  ? Truyện kể về con ếch nhưng ở đây có rất nhiều chi tiết ẩn dụ, tượng trưng. Em hãy chỉ ra điều đó?  ? Truyện phê phán đối tượng nào và khuyên chúng ta điều gì?  + Từ đó em rút ra cách để đọc hiểu một văn bản truyện ngụ ngôn, chúng ta cần lưu ý điều gì?  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide  - Đọc phần *Kiến thức ngữ văn* để hiểu khái niệm Truyện ngụ ngôn.  - Khi đọc truyện cần chú ý:  + Truyện kể về nhân vật nào? Ai là nhân vật chính?  + Bối cảnh của truyện có gì độc đáo?  + Truyện nêu lên được bài học gì? Bài học ấy có liên quan như thế nào đến cuộc sống hiện nay và với bản thân em? | **1. Nghệ thuật**  - Cách kể chuyện ngắn gọn, tình huống bất ngờ hài hước kín đáo.  - Miêu tả phù hợp với thực tế, xây dựng hình tượng nhân vật gần gũi với đời sống.  - Phép nhân hoá, ẩn dụ tượng trưng; Cách nói bằng ngụ ngôn, giáo huấn tự nhiên đặc sắc.  **2. Nội dung**  \* *Nội dung*: Truyện kể về cuộc sống của một chú ếch kiêu ngạo khi ở trong giếng chỉ coi trời bằng vung, đến khi ra ngoài không thèm để ý xung quanh nên bị con trâu giẫm bẹp.  - Phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp mà huyênh hoang.  - Khuyên chúng ta cần cố gắng mở rộng tầm hiểu biết. Không được chủ quan, kiêu ngạo.  **3. Cách đọc văn bản** | |

**3. HĐ 3: Luyện tập (16’)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án | B | C | D | C | C | D | D | B | A | C |

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

Câu 1. Thế nào là truyện ngụ ngôn?

A. Là truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần.

B. Là truyện thông qua việc mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc chính con người để nói bóng gió chuyện con người.

C. Là truyện có ý nghĩa răn dạy con người những đạo lí của cuộc sống.

D. Là truyện chứa đựng nhiều yếu tố hoang đường, li kì, giống như truyện cổ tích.

Câu 2: Mục đích của truyện ngụ ngôn là gì?

A. Phản ánh cuộc sống.

B. Tố cáo xã hội.

C. Khuyên nhủ, răn dạy con người

D. Gây cười.

Câu 3. Truyện *Ếch ngồi đáy giếng* thuộc thể loại nào?

A. Truyền thuyết.

B. Thần thoại.

C. Truyện cổ tích.

D. Truyện ngụ ngôn.

Câu 4. Trong truyện Êch ngồi đáy giếng, con ếch sống trong một cái giếng nhỏ, chung quanh nó toàn là những con vật yếu đuối, điều này làm ếch có suy nghĩ thế nào?

A. Ếch tưởng trong thế giới này chỉ có những con vật nhỏ hơn nó.

B. Ếch cho rằng cái giếng là nơi sâu nhất.

C. Ếch tưởng bầu trời nhỏ bé bằng cái vung và nó là một vị chúa tể.

D. Ếch nghĩ nó không có bà con, họ hàng.

Câu 5. Khi nước tràn vào giếng và đưa ếch ra ngoài, thái độ của ếch như thế nào khi nhìn thấy cảnh vật chung quanh?

A. Rất lo lắng và sợ sệt vì mọi thứ quá xa lạ.

B. Đắc ý vì cảnh vật mới không bằng nơi nó sinh sống bấy lâu.

C. Nghênh ngang đi lại khắp nơi, dương dương tự đắc vì nghĩ mình là chúa tể của muôn loài.

D. Cười nhạo báng tất cả mọi thứ ếch gặp trên đường.

Câu 6. Trong truyện, ếch là con vật như thế nào?

A. Có tầm hiểu biết sâu rộng và có vốn sống dồi dào.

B. Có vốn sống bình thường nhưng luôn biết học hỏi.

C. Có tầm hiểu biết sâu rộng nhưng không chịu học hỏi những con vật khác ở chung quanh.

D. Có hiểu biết nông cạn, hời hợt nhưng lại thích huênh hoang.

Câu 7. Hậu quả của thái độ tự cao, tự đại của ếch là gì?

A. Ếch bị các con vật trên bờ cách li và phải trở về giếng cũ.

B. Ếch bị một con voi giẫm chết,

C. Ếch bị con người bắt và ăn thịt.

D. Ếch bị một con trâu đi qua giẫm cho bẹp dí.

Câu 8. Truyện *Ếch ngồi đáy giếng* phê phán điều gì?

A. Phê phán những kẻ ỷ quyền thế bắt nạt người khác.

B. Phê phán những người hiểu biết nông cạn mà thường tỏ ra huênh hoang, tự cho mình là nhất.

C. Phê phán những người thích khoa trương, cho mình là giàu có.

D. Phê phán những kẻ tham lam, độc ác, thích bòn rút của người khác.

Câu 9. Truyện *Ếch ngồi đáy giếng* khuyên chúng ta điều gì?

A. Phải biết cố gắng học tập, không ngừng mở rộng tầm hiểu biết của bản thân, không được chủ quan, kiêu ngạo.

B. Phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau.

C. Phải biết lượng sức mình, không nên làm những việc vô nghĩa.

D. Phải biết tránh xa những thói hư, tật xấu.

Câu 10. Thành ngữ *Ếch ngồi đáy giếng* thường được dùng để chỉ điều gì?

A. Những người quanh năm sống một chỗ, không đi đến nơi nào khác.

B. Những người không có gì nhưng lại thích khoe khoang.

C. Những người có hiểu biết nông cạn nhưng lại luôn cho mình là người hiểu biết.

D. Những người có vốn sống dồi dào nhưng không biết trau dồi bản thân.**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:** Chiếu bài tập

**HS:** Đọc yêu cầu của bài và lựa chọn đáp án. Có thể sử dụng thẻ màu hoặc tạo trò chơi trên Kahoot hoặc Quizizz.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS lựa chọn đáp án.

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

https://quizizz.com/admin/quiz/629c7ba7c7baef001d165769

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

? Thử nêu một số hiện tượng trong đời sống ứng với thành ngữ “ Ếch ngồi đáy giếng”?

HS tự bộc lộ.

? Sưu tầm những truyện dân gian mà ếch là nhân vật chính? Qua đó hãy nêu hiểu biết của em về tín ngưỡng của người Việt cổ?

VD: Người lấy ếch, Hoàng tử ếch... -> Tục thờ thần ếch...

? Hãy tìm những câu tục ngữ, thành ngữ khuyên chúng ta không nên kiêu ngạo, chủ quan, phải luôn mở rộng tầm hiểu biết?

VD: + Đi một ngày đàng học một sàng khôn.

+ Khiêm tốn bao nhiêu cũng chưa đủ.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- H nêu một số hiện tượng trong đời sống ứng với thành ngữ “ Ếch ngồi đáy giếng”?

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng quy định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài “Đẽo cày giữa đường”.

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết:**

**BÀI 6:**

**Đọc – hiểu văn bản (2)**

**ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG**

(Truyện ngụ ngôn)

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**a. Mục tiêu**: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Nội dung**: HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và chia sẻ.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Gọi HS xung phong kể một cầu chuyện ngắn hoặc sự việc để lại bài học sâu sắc về cuộc sống, yêu cẩu HS nói rõ bài học đã rút ra được; có thể mời HS khác rút ra bài học cho bản thân từ cầu chuyện bạn kể.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  Gọi 1 -2 hs chia sẻ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  GV nhận xét, bổ sung theo định hướng kết nối với VB. | Câu trả lời của mỗi cá nhân HS (tuỳ theo hiểu biết và trải nghiệm của bản thân). |

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (114’)**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết được tri thức Ngữ văn (đề tài sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời giam của truyện ngụ ngôn).

- Nhận biết được thông điệp, bài học mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

- Từ thông điệp, tự rút ra bài học, có thể mở rộng những bài học mới, liên hệ đến đời sống của bản thân và các thành ngữ tương ứng.

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng KT đọc mẫu, đọc sáng tạo để hướng dẫn HS đọc văn bản; sử dụng KT đặt câu hỏi, khăn phủ bàn để tìm hiểu nội dung văn bản.

**HS** dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để làm việc cá nhân và trả lời những câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, chia sẻ và PHT của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN (15’)** | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **1. Đọc – tóm tắt**  - Hướng dẫn đọc nhanh.  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  + Thể hiện rõ lời thoại của các nhân vật (nhấn mạnh vào những từ ngữ trong lời các nhân vật và từ ngữ thể hiện thái độ và hành động của nhân vật chính).  - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).  + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.  + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.  - Cho HS quan sát tranh, yêu cầu HS sắp xếp theo đúng trình tự diễn ra trong truyện rồi kể tóm tắt.  **2. Tìm hiểu chung**  GV yêu cầu HS dựa vào phiếu học tập số 1 (đã chuẩn bị ở nhà) và cho biết thể loại, ngôi kể, nhân vật , bố cục.  Phiếu học tập số 1   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Thể loại | Ngôi kể | Nhân vật chính | Bố cục | |  |  |  |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi; quan sát tranh, sắp xếp theo cốt truyện.  2. Trả lời câu hỏi theo PHT.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Kể tóm tắt truyện, trả lời các câu hỏi trong PHT.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Thể loại | Ngôi kể | Nhân vật chính | Bố cục | | truyện ngụ ngôn | ngôi thứ ba | người thợ mộc | 3 phần  + P1 (đoạn 1): Bối cảnh của người thợ mộc  + P2 (đoạn 2): Công việc đẽo cày của anh thợ mộc  + P3 (đoạn 3): Kết quả của việc đẽo cày |   **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái đọc tập và sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | **1. Đọc - tóm tắt**  - Cách đọc  - Tóm tắt  Truyện kể về một người thợ mộc bỏ hết vốn liếng mua gỗ về đề đẽo cày bán. Khi anh thực hiện công việc có nhiều người góp ý. Mỗi lần nghe người khác góp ý, anh ta lại sửa cái cày của mình. Cuối cùng anh làm những cái cày rất to phải sức voi mới kéo được. Kết cục anh chẳng bán được cái cày nào , vốn liếng cũng hết sạch.  **2. Tìm hiểu chung**  - Thể loại: truyện ngụ ngôn  - Nhân vật chính: người thợ mộc  - Ngôi kể: ngôi thứ ba  - Bố cục: 3 phần  + P1 (đoạn 1): Bối cảnh của người thợ mộc  + P2 (đoạn 2): Công việc đẽo cày của anh thợ mộc  + P3 (đoạn 3): Kết quả của việc đẽo cày | |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI (44’)** | | |
| **1. Câu chuyện đẽo cày của anh thợ mộc (5’)** | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về hoàn cảnh của người thợ mộc**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Hãy tóm tắt bối cảnh của truyện “Đẽo cày giữa đường”.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** Đọc thầm đoạn 1 để tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Gọi HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi; HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | | **a. Hoàn cảnh của người thợ mộc (5’)**  Một người thợ mộc dốc hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày. |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu việc đẽo cày của người thợ mộc**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **- Hỏi:** Ở đoạn 2, người thợ mộc hành động như thế nào sau mỗi lần góp ý? Từ đó em hãy nhận xét về tính cách của nhân vật.  Gv yêu cầu hs hoạt động nhóm.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Những lần nghe theo | Lời góp ý- Hành động, thái độ | Hành động của người thợ mộc | | Lần 1 |  |  | | Lần 2 |  |  | | Lần 3 |  |  | | Nhận xét về người thợ mộc: | | |   - Chia nhóm 4-6 hs.  - Phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ cho các nhóm.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập.  **GV**: quan sát, thẽo dõi hs thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm cặp đôi khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Những lần nghe theo | Lời góp ý- Hành động, thái độ | Hành động của người thợ mộc | | Lần 1 | Phải đẽo cao, to mới dễ cày. | Cho là phải – đẽo | | Lần 2 | Phải đẽo nhỏ, thấp hơn. | Cho là phải – đẽo | | Lần 3 | Phải đẽo to gấp đôi, gấp ba cho voi cày. | Liền đẽo ngay | | Nhận xét về người thợ mộc:  Không có chính kiến của bản thân mình, luôn bị động, thay đổi theo ý của người khác. | | |   **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các cặp đôi.  GV nhấn mạnh cho HS phải nắm được trọn vẹn cả ba lần phản ứng trong cầu chuyện (hai lần “cho la phải” rồi đẽo cày theo kích cỡ mới, và một lần ‘liền đẽo ngay” mà không có suy nghĩ, tìm hiểu, cần nhắc). Phản ứng ấy được chính người thợ mộc tự hiểu ra là sai lầm, biết rằng “dễ nghe người là dại” (không có sự suy xét, đánh giá đúng/ sai, không tìm hiểu thực tế mà chỉ nghe và tin một cách mù quáng), để đến nỗi “quá muộn rồi, không sao chữa được nữa”.  GV cẩn hướng dẫn HS chú ý từ ngữ được dùng trong VB để thể hiện mức độ “dại” của người thợ mộc: lần 1 *cho là phải - đẽo,* lần 2 *cho là phải - lại đẽo,* lẩn 3 *liền đẽo ngay.* – GV liên hệ thực tế, nhấn mạnh cách nhìn nhận, đánh giá con người trong cuộc sống.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau. | | **b. Việc đẽo cày của người thợ mộc**  - Có rất nhiều người xem anh ta đẽo cày và mỗi người góp một ý khác nhau:  + Lần 1: Phải đẽo cao, to mới dễ cày.  -> Cho là phải – đẽo  + Lần 2: Phải đẽo nhỏ, thấp hơn.  -> Cho là phải – đẽo  + Lần 3: Phải đẽo to gấp đôi, gấp ba cho voi cày.  -> Liền đẽo ngay  - Mỗi người góp một ý, anh thợ mộc đều cho là phải, thấy có lí và làm theo.  => Anh thợ mộc không có chính kiến của bản thân mình, luôn bị động, thay đổi theo ý của người khác. |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu kết quả của việc đẽo cày của người thợ mộc**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **- Hỏi:**  + Kết quả việc đẽo cày của người thợ mộc là gì?  + Tìm câu hành ngữ liên quan đến câu chuyện đẽo cày này.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: làm việc cá nhân.  **GV**:  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm cặp đôi khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau. | | **c. Kết quả của việc đẽo cày**  - Anh ta bày đầy hàng ra nhưng không ai mua.  - Tất cả gỗ đẽo đều hỏng hết.  - Vốn liếng đi đời nhà ma.  => Anh thợ mộc hết vốn liếng, không đạt được kết quả mong muốn. |
| **2. Bài học** | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **Hỏi:** Theo em, có thể rút ra những bài học nào từ câu chuyện này? Ý nghĩa chính của thành ngữ *đẽo cày giữa đường* là gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** HS hoạt động cặp đôi tìm câu trả lời  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS báo cáo, GV nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**: HS chia sẻ kết quả sản phẩm, trao đổi, thảo luận.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Gv chốt lại bài học rút ra và ý nghĩa thành ngữ “ Đẽo cày giữa đường”  GV cũng cần giúp HS phân biệt giữa *biết lắng nghe góp ý* với *dễ nghe người là dại* (không có sự suy xét, đánh giá đúng/ sai, không tìm hiểu thực tế mà chỉ nghe và tin một cách mù quáng) để HS nhận thức đúng đắn vê' điều này. | | - Khi muốn làm gì, cần tìm hiểu rõ về cách làm, xác định mục đích rõ ràng.  - Con người cần biết cố gắng, nỗ lực để thực hiện những điều mình mong muốn.  - Mỗi người cần biết lắng nghe có chọn lọc, có chủ kiến của bản thân, kiên định, không nên cả tin người khác, ai nói gì cũng làm theo. |
| **III. TỔNG KẾT (5’)** | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **Hỏi:** – Nêu nội dung chính và bài học cuộc sống từ vb “Đẽo cày giữa đường”. – Điều gì đã làm nên sức hấp hẫn của truyện?**B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và ghi câu trả lời ra giấy.  **GV** theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.  **B4: Kết luận, nhận định**  - Chốt nội dung phần tổng kết lên màn hình, kết nối với những nội dung chính của bài học, nhấn mạnh thể loại , tính cách nhân vật khi đọc truyện; chốt kiến thức toàn bài.  - GV chuyển dẫn sang nội dung sau. | | **1. Nghệ thuật**  - Truyện ngụ ngôn. Kể chuyện ngôi 3.  - Tình tiết có mức độ tăng dần.  - Kết thúc truyện gắn với bài học sâu sắc trong cuộc sống  **2. Nội dung**  - Câu chuyện kể về người thợ mộc đẽo cày theo ý người khác dẫn đến kết quả mất hết vốn liếng.  - Qua đó, tác giả dân gian nhắn nhủ mỗi người cần có chính kiến, kiên định, biết lắng nghe có chọn lọc, không nên vội vàng nghe theo lời người khác. |

**3. HĐ 3: Hoạt động luyện tập**

**a. Mục tiêu**:củng cố kiến thức, kĩ năng đã học.

**b. Nội dung***:* HS củng cố kiến thức về đọc hiểu VB truyện; thực hành viết đoạn văn  
ngắn từ một nội dung của truyện.

**c. Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1. Luyện tập đọc hiểu**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Nếu là người thợ mộc trong câu chuyện em sẽ làm gì trước những lời góp ý của mọi người?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  Gọi 3- 4 hs chia sẻ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  GV nhận xét, bổ sung theo định hướng kết nối với VB. | Câu trả lời của mỗi cá nhân HS (tuỳ theo hiểu biết và trải nghiệm của bản thân). |
| **Nhiệm vụ 2. Viết kết nối với đọc**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) có sử dụng thành ngữ *Đẽo cày giữa đường*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động cá nhân.  GV gợi ý: HS có thể chọn cách viết 1 đv nghị luận nội dung khuyên nhủ bạn bè cần có chính kiến, biết lắng nghe, chọn lọc lời góp ý, có dẫn câu thành ngữ.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  Một số HS trình bày đoạn văn trước lớp. Các HS khác căn cứ vào các tiêu chí đánh giá để nhận xét về sản phẩm của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  GV nhận xét, đánh giá; rút kinh nghiệm cho HS. | Các tiêu chí có thể như sau:  - Nội dung: khuyên nhủ con người biết giữ chính kiến, biết lắng nghe  - Chính tả và diễn đạt: đúng chính tả và không mắc lỗi diễn đạt.  - Dung lượng: khoảng 5 –7 câu. |

**4. HĐ 4: Hoạt động vận dụng, mở rộng**

**a. Mục tiêu:** vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong  
học tập và thực tiễn.  
**b. Nội dung:** Liên hệ với một sự việc trong cuộc sống có tình huống tương tự truyện *Đẽo cày giữa đường* và kể lại ngắn gọn sự việc đó.  
**c. Sản phẩm:** Câu chuyện của hs

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS thực hiện ở nhà:**:** Liên hệ với một sự việc trong cuộc sống có tình huống tương tự truyện *Đẽo cày giữa đường* và kể lại ngắn gọn sự việc đó. **B2: HSThực hiện nhiệm vụ** ở nhà | – Bài viết của hs. |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết:**

**BÀI 6: TRUYỆN NGỤ NGÔN VÀ TỤC NGỮ**

**TỤC NGỮ VỀ THIÊN NHIÊN, LAO ĐỘNG VÀ CON NGƯỜI, XÃ HỘI**

**Thời gian thực hiện: 02 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Khái niệm tục ngữ.

- Nội dung tư tưởng, ý nghĩa triết lí và hình thức nghệ thuật của những câu tục ngữ trong bài học.

- Sưu tầm một số câu tục ngữ về con người, xã hội.

**2. Năng lực:**

***a. Năng lực chung:*** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

***b. Năng lực chuyên biệt:***

- Đọc - hiểu, phân tích các lớp nghĩa của tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội.

- Vận dụng được ở mức độ nhất định một số câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động con người và xã hội vào đời sống.

**3.Phẩm chất:**

- Yêu quý, trân trọng những kinh nghiệm cha ông để lại.

- Vận dụng vào đời sống thực tế những kinh nghiệm, bài học hay, phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học

- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, một số câu tục ngữ cùng chủ đề nhắc học sinh soạn bài

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Soạn bài

- Sưu tầm các câu tục ngữ cùng chủ đề

**III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh.

**b. Nội dung:** HS tham gia trò chơi đố vui

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Nhiệm vụ: GV đưa ra trò chơi ô chữ để ôn lại một số câu tục ngữ đã học ở buổi trước về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội.  - Phương án thực hiện:  + Thực hiện trò chơi “Ô chữ bí ẩn”  + Luật chơi: Mỗi đội có 5 hs tham gia trong vòng 2 phút 2 đội lần lượt chọn câu hỏi theo số mà các con yêu thích  - Thời gian: 2 phút  - Sản phẩm: Các từ ngữ điền vào chỗ chấm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  \* Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:  + lập đội chơi  + chuẩn bị tinh thần thi đấu  + thực hiện trò chơi theo đúng luật  \* Giáo viên:  - Tổ chức cho hs chơi trò chơi  - Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh  - Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu các đội lần lượt lựa chọn câu hỏi. Hết câu hỏi thì dừng lại.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh nhớ lại được các câu tục ngữ đã học ở bài trước.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung  - Giáo viên nhận xét, đánh giá:  + tinh thần, ý thức hoạt động học tập  + kết quả làm việc  + bổ sung thêm nội dung (nếu cần)  => Vào bài: Có thể thấy, kho tàng tục ngữ với số lượng lớn là cả một kho kinh nghiệm mà dân gian xưa đã đúc kết. Chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu giá trị của tục ngữ. Cụ thể hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu các câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội. | **1. Tấc** đất **tấc** vàng.  **2.** Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây **chụm** lại nên hòn núi cao.  **3. Cái** răng, **cái** tóc là góc con người.  **4.** Mau sao thì **nắng,** vắng sao thì mưa.  **5**. Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ **giống.**  **6.** Mưa tháng Ba hoa đất/ Mưa tháng Tư **hư** đất.  **=> TỤC NGỮ** |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Tìm hiểu khái niệm tục ngữ (2 phút)**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh hiểu thế nào là tục ngữ và nội dung, chủ đề tục ngữ nói chung của văn bản nói riêng.

**b. Nội dung:** HS trả lời nhanh phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Giáo viên yêu cầu: Đọc phần chú thích và điền thông tin còn thiếu vào bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | Tục ngữ là một thể loại văn học dân gian | Tác giả: | | Hình thức | | Nội dung: | | Nghệ thuật: | | Phạm vi vận dụng: |   - Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: Đọc, suy nghĩ, trình bày  - Giáo viên: Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày  - Dự kiến sản phẩm:   |  |  | | --- | --- | | Tục ngữ là một thể loại văn học dân gian | Tác giả: dân gian -> mang tính tập thể, dị bản | | Hình thức: câu nói | | Nội dung: kinh nghiệm của nhân dân về thiên nhiên, lao động, con người, xã hội. | | Nghệ thuật:  - Những câu nói hoàn chỉnh, ngắn gọn.  - Giàu hình ảnh, sử dụng so sánh, ẩn dụ  - Gieo vần | | Phạm vi vận dụng: đời sống, suy nghĩ, lời ăn tiếng nói hàng ngày. |   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh trình bày miệng ý kiến của mình  - Học sinh khác bổ sung  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  - GV bổ sung, nhấn mạnh:  + Về hình thức: tục ngữ là một câu nói diễn đạt một ý trọn vẹn có đặc điểm ngắn gọn, kết cấu bền vững có hình ảnh, nhịp điệu  + Về nội dung: diễn đạt kinh nghiệm, cách nhìn nhận của nhân dân về tự nhiên, lao động, sản xuất, con người, xã hội  Những bài học kinh nghiệm về quy luật thiên nhiên và lao động sản xuất là nội dung quan trọng của tục ngữ.Vì thế tục ngữ còn được gọi là túi khôn của nhân dân  - Có nhiều câu tục ngữ chỉ có nghĩa đen, một số câu có cả nghĩa bóng | I. Tìm hiểu chung:  1. Khái niệm:  - Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, đúc kết những bài học của nhân dân về:  + Quy luật của thiên nhiên  + Kinh nghiệm lao động sản xuất  + Kinh nghiệm về con người và xã hội. |

**2. Đọc, tìm hiểu chú thích, bố cục (5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Giúp hs rèn kĩ năng đọc, hiểu được ngữ nghĩa cụ thể của mỗi câu tục ngữ và những đề tài cụ thể của tục ngữ.

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Giáo viên yêu cầu: *Ta có thể chia 8 câu tục ngữ trong bài thành mấy nhóm? Mỗi nhóm gồm những câu nào? Gọi tên từng nhóm đó?*  - Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: Làm việc cá nhân -> Thảo luận nhóm -> thống nhất ý kiến  - Giáo viên: Quan sát, động viên, hỗ trợ học sinh khi cần thiết  - Dự kiến sản phẩm: 8 câu tục ngữ trong bài chia làm 3 nhóm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Tổ chức cho học sinh trình bày, báo cáo kết quả  - Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu 1 hoặc 2 nhóm lên trình bày kết quả  - Học sinh nhóm khác bổ sung  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng  GV chốt: | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  + Câu 1, 3 : Những câu tục ngữ về thiên nhiên.  + Câu 2, 4: Những câu tục ngữ về lao động sản xuất.  + Từ câu 5 đến 8 : Những câu tục ngữ về con người và xã hội. |

**3. Đọc hiểu văn bản**

**3.1 Đọc và tìm hiểu những câu tục ngữ về thiên nhiên**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được nội dung ý nghĩa, cách vận dụng và một số hình thức nghệ thuật của nhóm các câu tục ngữ về thiên nhiên

**b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Giáo viên yêu cầu: *Các câu tục ngữ về thiên nhiên đúc kết những kinh nghiệm gì? Em có nhận xét gì về các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các câu đó? Trong thực tế những câu tục ngữ này được áp dụng như thế nào?*  Phiếu học tập:   |  |  | | --- | --- | | **Câu tục ngữ số….** | | | Nội dung |  | | Cơ sở thực tế |  | | Nghệ thuật |  | | Giá trị kinh nghiệm |  |   - Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe yêu cầu và thực hiện  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: Làm việc cá nhân🡪thảo luận nhóm->thống nhất ý kiến  -Giáo viên: Quan sát ,hỗ trợ học sinh nếu cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Giáo viên gọi đại diện 1-2 nhóm lên trình bày bằng phiếu học tập  -Học sinh các nhóm khác bổ sung  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - Học sinh nhận xét, đánh giá  -Giáo viên nhận xét đánh giá  🡪Giáo viên chốt kiến thức ghi bảng  GV chốt, chuyển: Hai câu tục ngữ trên đều có điểm chung là đúc kết những kinh nghiệm về thời gian, thời tiết, bão lụt cho thấy phần nào cuộc sống vất vả, thiên nhiên khắc nghiệt của đất nước ta. Ngoài ra nhân dân ta còn đúc kết những kinh nghiệm trong lao động sản xuất. | **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT:**  **1. Tục ngữ về thiên nhiên:**  **Câu 1: “Ráng mỡ gà, có nhà thì giữ”**  - Nội dung:  Chân trời xuất hiện những áng mây có màu mỡ gà là trời sắp có bão, cần phải gia cố giữ gìn nhà cửa.  - Cơ sở thực tế:  + Ráng là màu vàng xuộm của mây do mặt trời chiếu vào.  *+* Ráng mỡ gà thường xuất hiện ở phía chân trời trước khi có giông bão  - Nghệ thuật:  + Lược bỏ 1 số thành phần chính để thành câu rút gọn 🡪 Nhấn mạnh vào nội dung chính để mọi người dễ nhớ  + Gieo vần lưng:gà – nhà  🡪 Tạo âm điệu dễ nhớ, dễ thuộc  - Giá trị kinh nghiệm: Cần chủ động giữ gìn nhà cửa, hoa màu... Nhắc nhở ý thức phòng chống bão lụt giảm thiểu thiệt hại.  **Câu 3: “Mống đông vồng tây/ Chẳng mưa dây cũng bão giật”**  - Nội dung:  Cầu vồng, mống cụt xuất hiện là một dự báo thời tiết đáng sợ, nếu trời có cầu vồng ở phía đông hoặc ở phía tây là sắp có mưa to gió lớn.  - Nghệ thuật:  + Lược bỏ 1 số thành phần chính để thành câu rút gọn 🡪 Nhấn mạnh vào nội dung chính để mọi người dễ nhớ  + Gieo vần lưng:đông – vồng  🡪 Tạo âm điệu dễ nhớ, dễ thuộc  - Giá trị kinh nghiệm: Nhân dân đã đúc kết thành kinh nghiệm quý báu lâu đời để phòng tránh, lo liệu làm ăn. Nhắc nhở ý thức phòng chống bão lụt giảm thiểu thiệt hại. |

**3.2 Đọc và tìm hiểu những câu tục ngữ về lao động sản xuất**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được nội dung ý nghĩa, cách vận dụng và một số hình thức nghệ thuật của nhóm các câu tục ngữ về lao động sản xuất

**b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Giáo viên yêu cầu: *Các câu tục ngữ về lao động sản xuất đúc kết những kinh nghiệm gì?Em có nhận xét gì về các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các câu đó?ý nghĩa của mỗi kinh nghiệm.*  Phiếu học tập:   |  |  | | --- | --- | | **Câu tục ngữ số….** | | | Nội dung |  | | Cơ sở thực tế |  | | Nghệ thuật |  | | Giá trị kinh nghiệm |  |   - Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe yêu cầu và thực hiện  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: Làm việc cá nhân🡪thảo luận nhóm->thống nhất ý kiến  -Giáo viên: Quan sát ,hỗ trợ học sinh nếu cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Giáo viên gọi đại diện 1-2 nhóm lên trình bày bằng phiếu học tập  -Học sinh các nhóm khác bổ sung  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - Học sinh nhận xét, đánh giá  -Giáo viên nhận xét đánh giá  🡪Giáo viên chốt kiến thức ghi bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết:**  **2. Tục ngữ về lao động sản xuất**  **Câu 2: “Nhất thì, nhì thục”**  - Nội dung: Khẳng định tầm quan trọng của thời vụ và của việc cày xới đối với nghề trồng trọt  - Cơ sở thực tế:  + Trồng trọt đúng thời vụ mới tránh được thiên nhiên, thời tiết khắc nghiệt, sâu bệnh 🡪 Đem lại năng suất, hiệu quả cao  + Làm đất kĩ, cần cù chăm chỉ cũng không kém phần quan trọng trong sản xuất nông nghiệp  - Nghệ thuật:  + Đưa ra thứ tự lợi ích các các yếu tố  + Gieo vần “i”  - Giá trị kinh nghiệm:  + Gieo cấy đúng thời vụ  + Cải tạo đất sau mỗi thời vụ  **Câu 4: Tôm đi chạng vạng, cá đi rạng đông**  - Nội dung: Muốn bắt tôm phải đi vào chập tối, còn bắt cá thì phải đi từ sáng sớm.  - Nghệ thuật:  + Gieo vần “ang”  + Điệp từ “đi”  + Đối lập: “chạng vạng” >< “rạng đông”  - Kinh nghiệm: Kinh nghiệm về thời điểm thích hợp để đánh bắt tôm cá. Tôm thường đi kiếm ăn lúc xế chiều còn cá thường đi theo đàn kiếm ăn rạng sáng. |

**3.3 Đọc và tìm hiểu những câu tục ngữ về con người và xã hội**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được nội dung ý nghĩa, cách vận dụng và một số hình thức nghệ thuật của nhóm các câu tục ngữ về con người và xã hội

**b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Giáo viên yêu cầu: *Các câu tục ngữ về con người và xã hội, đúc kết những kinh nghiệm gì?Em có nhận xét gì về các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các câu đó? ý nghĩa của mỗi kinh nghiệm.*  Phiếu học tập:   |  |  | | --- | --- | | **Câu tục ngữ số….** | | | Nội dung |  | | Cơ sở thực tế |  | | Nghệ thuật |  | | Giá trị kinh nghiệm |  |   - Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe yêu cầu và thực hiện  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: Làm việc cá nhân🡪thảo luận nhóm->thống nhất ý kiến  -Giáo viên: Quan sát ,hỗ trợ học sinh nếu cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Giáo viên gọi đại diện 1-2 nhóm lên trình bày bằng phiếu học tập  -Học sinh các nhóm khác bổ sung  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - Học sinh nhận xét, đánh giá  -Giáo viên nhận xét đánh giá  🡪Giáo viên chốt kiến thức ghi bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết:**  **3. Tục ngữ về con người và xã hội**  **Câu 5: “Đói cho sạch, rách cho thơm”**  - Nội dung:  + Nghĩa đen: Dù đói, rách vẫn phải ăn uống, ăn mặc sạch sẽ, giữ gìn thơm tho  + Nghĩa bóng: Dù nghèo khổ, thiếu thốn vẫn phải sống trong sạch  - Nghệ thuật:  + Ẩn dụ: sạch; thơm  + Đối: đói - rách, sạch - thơm  - Giá trị kinh nghiệm:  Khuyên con người phải sống sao cho trọn phẩm giá, nhân cách, phải có lòng tự trọng.  **Câu 6: Chết trong hơn sống đục**  - Nội dung: Khuyên ngăn con người nên sống đúng đắn hơn trong cuộc sống, chết vinh còn hơn sống nhục, sống luôn phải ngẩng cao đầu trong cuộc sống, luôn phải sống đúng đắn, đúng chuẩn mực đạo đức, sống cần phải biết được chuẩn mực và biết cách đối nhân xử thế.  - Nghệ thuật:  + Ẩn dụ:   * Nghĩa đen: “Trong” ý chỉ nước sạch, không có tạp chất, bụi bẩn nào trái ngược với “đục” tức là nhiều tạp chất bụi bẩn. * Nghĩa bóng:“Trong” biểu tượng cho người lối sống thanh sạch, sống đẹp, sống đúng với các chuẩn mực đạo đức và đúng pháp luật. Trái lại “đục” biểu hiện cho lối sống trái với luân thường đạo lý.   + Đối: chết>< sống; trong >< đục  - Kinh nghiệm: Khuyên ngăn con người nên sống đúng đắn hơn trong cuộc sống, chết vinh còn hơn sống nhục, sống luôn phải ngẩng cao đầu trong cuộc sống, luôn phải sống đúng đắn, đúng chuẩn mực đạo đức, sống cần phải biết được chuẩn mực và biết cách đối nhân xử thế.  **Câu 7: “Có công mài sắt, có ngày nên kim”**  - Nội dung: Ca ngợi sự kiên trì, quyết tâm thực hiện việc gì đó tới cùng.  - Nghệ thuật:  + Điệp từ “có”  + Ẩn dụ: “sắt”, “kim”  “Sắt” là những thử thách, khó khăn trong cuộc sống, “kim” là kết quả, là ước mơ, nguyện vọng của mình, điều mà mình mong muốn đạt tới trong cuộc sống.  - Kinh nghiệm: Khuyên răn chúng ta khi làm bất cứ việc gì cũng nên đặt vào đó sự quyết tâm cũng như lòng kiên trì thì ta mới đạt được thành công như ý nguyện.  => Cho học sinh xem video câu chuyện “*Có công mài sắt, có ngày nên kim*”  Link video:  https://www.youtube.com/watch?v=4aZ2q0bHS-8  **Câu 8: “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”**  - Nội dung: Khi được hưởng thành quả nào đó, phải nhớ đến người đã có công gây dựng nên, biết ơn người đã giúp mình  - Nghệ thuật: Ẩn dụ: Cây-quả; trồng-ăn  - Trường hợp vận dụng: Thể hiện tình cảm biết ơn với ông bà, cha mẹ, thầy cô, những người giúp mình, hi sinh vì mình… |

**4. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản

**b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu: *Khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các câu tục ngữ?*  - Học sinh lắng nghe yêu cầu  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: Suy nghĩ làm việc cá nhân  -Giáo viên: Lắng nghe, nhận xét câu trả lời của học sinh  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Giáo viên gọi học sinh trả lời  -Học sinh khác bổ sung  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - Học sinh nhận xét, đánh giá  -Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức ghi bảng  -HS đọc ghi nhớ. | **III. Tổng kết**  1. Nghệ thuật:  - Ngắn gọn, có vần nhịp, giàu hình ảnh.  2. Nội dung:  Đúc kết kinh nghiệm quý báu về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội.  \* Ghi nhớ (sgk) |

**Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh tìm thêm các câu tục ngữ khác. Học sinh vận dụng các câu tục ngữ đã học vào trong giao tiếp hàng ngày

**b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV cho học sinh chơi trò chơi “*Giúp học sinh qua sông*”  -HS lắng nghe tiếp nhận yêu cầu  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS giơ tay tham gia trò chơi, chọn người mà học sinh muốn đưa qua sông.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Giáo viên gọi học sinh trả lời  - Học sinh khác bổ sung  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - Học sinh nhận xét, đánh giá | **Câu 1: Tục ngữ về con người xã hội được hiểu theo những nghĩa nào?**   1. Nghĩa đen 2. **Nghĩa đen + nghĩa bóng** 3. Nghĩa bóng 4. Tất cả đều sai   **Câu 2: Câu tục ngữ nào trong bài nói về lao động sản xuất?**   1. Câu 2 2. **Câu 2 và 4** 3. Câu 1 và 3 4. Câu 4   **Câu 3: Từ ngữ nào trong câu “Cái răng, cái tóc là góc con người” sử dụng hình ảnh hoán dụ?**   1. Cái răng 2. Cái tóc 3. **Cái răng, cái tóc** 4. Góc   **Câu 4: Câu tục ngữ nào dưới đây đồng nghĩa với câu “Đói cho sạch, rách cho thơm”?**   1. Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm 2. Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh 3. **Giấy rách phải giữ lấy lề** 4. Áo rách khéo vá hơn lành vụng may   **Câu 5: Câu tục ngữ “Lời nói chẳng mất tiền mua/ Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.” phù hợp với nội dung học tập nào sau đây?**   1. **Học nói** 2. Học ăn 3. Học mở 4. Học gói |

**Hoạt động 4: Tìm tòi mở rộng**

**a. Mục tiêu:** Học sinh sưu tầm các câu tục ngữ về lao động sản xuất

**b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV nêu yêu cầu:*Em hãy sưu tầm những câu tục ngữ về lao động sản xuất?*  - Học thuộc lòng tất cả các câu tục ngữ trong bài học.  Chuẩn bị bài “ Chương trình địa phương ( Phần văn và tập làm văn)”  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  -HS về nhà học bài, sưu tầm  -Dự kiến sản phẩm:  - *Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang/Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu*  - *Người đẹp vì lụa lúa tốt vì phân*  *- Tốt lúa,tốt má,tốt mạ, tốt giống*  *- Một lượt tát , một bát cơm.*  *-Tháng hai trồng cà tháng ba trồng đỗ.*  *- Bao giờ đom đóm bay ra/Hoa gạo rụng xuống bà già cất chăn.*  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu HS trình bày vào tiết học sau  - HS về nhà sưu tầm  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  -Giáo viên nhắc nhở, hướng dẫn các nguồn sưu tầm |  |

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết:**

**BÀI 6:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**a. Mục tiêu**: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Nội dung**: HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và chia sẻ.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Cho 2 ví dụ sau đây, em hãy nhận xét:  VD1: Thành ngữ “mười bảy bẻ gãy sừng trâu” khẳng định điều gì? Cách nói như trong câu tục ngữ này được gọi là gì?  VD2: “Cách mấy tháng sau, đứa con lên sài bỏ đi để chị ở lại một mình”. Từ “bỏ đi” trong câu này được hiểu là gì? Cách dùng từ “bỏ đi” ở trong câu này được gọi là cách nói gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  Gọi 1 -2 hs chia sẻ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  GV nhận xét, bổ sung theo định hướng kết nối với bài học. | VD1: Thành ngữ khẳng định sức mạnh phi của thanh niên → Nói quá  VD2: Cụm từ “bỏ đi” biểu thị cái chết của nhân vật đứa con → Nói giảm, nói tránh. |

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (114’)**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của các biện pháp tu từ nói quá, nói giảm – nói tránh; vận dụng được những biện pháp này vào đọc, viết, nói và nghe.

**b. Nội dung**: HS làm các bài tập theo SGK.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, chia sẻ và PHT của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Phát phiếu học tập số 1, học sinh làm việc cặp đôi theo phiếu.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS làm bài.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc bài tập.  2. Trả lời câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Báo cáo kết quả  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | **Bài 1 (trang 9):**  a.  – Nói quá: “chưa nằm đã sáng”, “chưa cười đã tối”.  - Tác dụng: nhấn mạnh đặc điểm về thời gian của ngày và đêm giữa mùa hạ và mùa đông. Tháng 5 ÂL đêm ngắn ngày dài, tháng 10 ÂL đêm dài ngày ngắn.  b.  – Nói quá: “tát biển Đông cũng cạn”.  - Tác dụng: nhấn mạnh sự hoà hợp vợ chồng có thể cùng nhau làm những điều lớn lao, vượt qua được mọi khó khăn, trở ngại.  c.  – Nói quá: “Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày”.  - Tác dụng: nhấn mạnh sự vất vả của người nông dân. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Bài tập 2 (SGK/9): GV tổ chức trò chơi ghép nối “Ai nhanh hơn”  Tìm cách nói quá tương ứng với cách nói thông thường:  \* Cách nói quá:  1. Nghìn cân treo sợi tóc  2. Trăm công nghìn việc  3. Hiền như đất  4. Trói gà không chặt  \* Cách nói thông thường:  A. Rất hiền lành  B. Yếu quá, không quen lao động chân tay  C. Rất bận  D. Ở tình thế vô cùng nguy hiểm  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS làm bài.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc bài tập.  2. Trả lời câu hỏi theo PHT.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Báo cáo kết quả  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | **Bài 2 (trang 9):**  1-d  2-c  3-a  4-b |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Bài tập 3 (SGK/10):  HS làm việc theo phiếu học tập số 2, hình thức cặp đôi.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS làm bài.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc bài tập.  2. Trả lời câu hỏi theo PHT.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Báo cáo kết quả  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | **Bài 3 (trang 10):**  a. Từ “yên nghỉ” chỉ “cái chết”. Cách dùng từ làm giảm bớt sự đau buồn, thương tiếc.  b. Từ “mất, về” chỉ “cái chết”. Cách dùng từ làm giảm bớt sự đau buồn, thương tiếc.  c. Từ “khuất núi” chỉ “cái chết”. Cách dùng từ làm giảm bớt sự đau buồn, thương tiếc. |

**3. HĐ 3: Hoạt động luyện tập**

**a. Mục tiêu**:củng cố kiến thức, kĩ năng đã học.

**b. Nội dung***:* HS củng cố kiến thức về nói giảm – nói tránh, nói quá

**c. Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Bài tập 4 (SGK/tr.10)  Viết một đoạn văn (khoảng 5-7 dòng) về một chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói quá hoặc nói giảm – nói tránh.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  Gọi 3- 4 hs chia sẻ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  GV nhận xét, bổ sung theo định hướng kết nối với VB. | Đoạn văn của HS. |

**4. HĐ 4: Hoạt động vận dụng, mở rộng**

**a. Mục tiêu:** vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.  
**b. Nội dung:** Chia sẻ một số tình huống trong cuộc sống hay sử dụng nói quá, nói giảm, nói tránh (có thể diễn thành hoạt cảnh ngắn)

**c. Sản phẩm:** Câu chuyện của hs

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Giao nhiệm vụ:** Chia sẻ một số tình huống trong cuộc sống hay sử dụng nói quá, nói giảm, nói tránh (có thể diễn thành hoạt cảnh ngắn) **B2: HS Thực hiện nhiệm vụ** ở nhà | – Chia sẻ của HS |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

Xác định biện pháp tu từ nói quá trong những câu dưới đây. Cách nói quá trong mỗi trường hợp đó biểu thị điều gì? Chỉ ra tác dụng của chúng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Biện pháp nói quá** | **Tác dụng** |
| a. Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng.  Ngày tháng Mười chưa cười đã tối. (Tục ngữ) |  |  |
| b. Thuận vợ thuận chồng, tát Biển Đông cũng cạn. (Tục ngữ) |  |  |
| c. Cày đồng đang buổi ban trưa  Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày  Ai ơi bưng bát cơm đầy  Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần. (Ca dao) |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

Xác định biện pháp tu từ nói giảm – nói tránh trong những câu sau. Cách nói giảm – nói tránh trong mỗi trường hợp đó biểu thị điều gì? Chỉ ra tác dụng của chúng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Biện pháp nói giảm – nói tránh** | **Tác dụng** |
| A. Có người thợ dựng thành đồng  Đã yên nghỉ tận sông Hồng, em ơi! (Thu Bồn) |  |  |
| B. Ông mất năm nao, ngày độc lập  Buồm cao đỏ sóng bóng cờ sao  Bà “về” năm đói, làng treo lưới  Biển động: Hòn Mê, giặc bắn vào… (Tố Hữu) |  |  |
| C. Năm ngoái, cụ Bọ Ngựa già yếu đã khuất núi. (Tô Hoài) |  |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thực hành đọc hiểu**

**BỤNG VÀ RĂNG, MIỆNG, TAY, CHÂN**

(Truyện ngụ ngôn)

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức và nội dung của truyện ngụ ngôn

**2*.* Về phẩm chất*:***

Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn và ham học hỏi; tự tin, dám chịu trách nhiệm

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.

**III.Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu**: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Nội dung**: HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để  
làm việc cá nhân và chia sẻ.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Em đã từng ghen tị, so bì với người khác chưa? Hãy chia sẻ câu chuyện ấy (nếu có)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  Gọi 1 -2 hs chia sẻ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  GV nhận xét, bổ sung theo định hướng kết nối với VB. | Câu trả lời của mỗi cá nhân HS |

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết được tri thức Ngữ văn (đề tài sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian của truyện ngụ ngôn).

- Nhận biết được thông điệp, bài học mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

- Từ thông điệp, tự rút ra bài học, có thể mở rộng những bài học mới, liên hệ đến đời sống của bản thân và các thành ngữ tương ứng.

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng KT đọc mẫu, đọc sáng tạo để hướng dẫn HS đọc văn bản; sử dụng KT đặt câu hỏi, khăn phủ bàn để tìm hiểu nội dung văn bản.

**HS** dựa vào phần chuẩn bị ở nhà để làm việc cá nhân và trả lời những câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, chia sẻ và PHT của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. Tìm hiểu chung** | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **1. Đọc – tóm tắt**  - Hướng dẫn đọc nhanh.  - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).  + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.  + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.  - Yêu cầu HS sắp xếp theo đúng trình tự diễn ra trong truyện rồi kể tóm tắt.  **2. Tìm hiểu chung**  GV yêu cầu HS dựa vào phiếu học tập số 1 (đã chuẩn bị ở nhà) và cho biết thể loại, ngôi kể, nhân vật , bố cục.  Phiếu học tập số 1   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Đề tài, thể loại | Ngôi kể | Nhân vật chính | Bố cục | |  |  |  |  |   **Phiếu học tập số 2:**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi; sắp xếp theo cốt truyện.  2. Trả lời câu hỏi theo PHT.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Kể tóm tắt truyện, trả lời các câu hỏi trong PHT.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái học tập và sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | | I. Tìm hiểu chung   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Thể loại | Ngôi kể | Nhân vật chính | Bố cục | | truyện ngụ ngôn | ngôi thứ ba | Răng, Miệng, Tay, Chân, Bụng | 3 phần  + P1 (từ đầu ... *thấy là*.): Hành động của Răng, Miệng, Chân, Tay  + P2 (tiếp ... *phút nào*.): Kết quả của hành động  + P3 (Còn lại): Quyết định của Răng, Miệng, Tay, Chân | |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu hành động của các nhân vật**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Hoàn thành phiếu học tập số 3  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** Đọc thầm đoạn 1 để tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Gọi HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi; HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.   |  |  | | --- | --- | | Hành động | Kết quả | | Răng |  | | Miệng |  | | Tay |  | | Chân |  | | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1.Hành động của Răng, Miệng, Tay, Chân và kết quả của hành động**   |  |  | | --- | --- | | Hành động | Kết quả | | Răng không nhai. |  | | Miệng không ăn | Miệng khô, đắng ngắt cả ngày. | | Tay không gắp thịt. | Đôi Tay oặt ẹo | | Chân | Chân không đi nổi. | | => Các bộ phận quyết định không làm gì nữa. | => Tất cả các bộ phận cảm thấy rã rời, mệt mỏi, không thể làm gì được.  - Các bộ phận nhận ra vai trò của Bụng: Bụng cũng làm việc để tiêu hóa thức ăn, đem lại năng lượng cho cơ thể.  => Các bộ phận quyết định: cùng chung sức đoàn kết, ghen tị chỉ làm cơ thể rã rời, không đem lại lợi ích gì. | | |
| **Nhiệm vụ 2: Bài học được rút ra từ câu chuyện**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Theo em có thể rút ra bài học gì từ truyện ngụ ngôn Bụng và Răng, Miệng, Ta, Chân?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ, trao đổi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Gọi HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi; HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức | **2. Bài học**  - Mỗi người đều có một vai trò, ý nghĩa riêng. Vì vậy, mỗi người cần cố gắng làm tốt bổn phận, nghĩa vụ của bản thân mình.  - Không nên ganh tị, so bì với người khác.  - Trong một tập thể, cần biết đoàn kết, giúp đỡ người khác để tạo nên sức mạnh, xây dựng tập thể vững mạnh. | |

**3. HĐ 3: Hoạt động luyện tập**

**a. Mục tiêu**:củng cố kiến thức, kĩ năng đã học.

**b. Nội dung***:* HS củng cố kiến thức về đọc hiểu VB truyện; thực hành viết đoạn văn  
ngắn từ một nội dung của truyện.

**c. Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1. Luyện tập đọc hiểu**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Đối chiếu với khái niệm truyện ngụ ngôn ở phần tri thức ngữ văn để nêu sự giống nhau và khau giữa truyện ngụ ngôn này với các truyện ngụ ngôn khác đã học?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động theo cặp  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  Gọi 3- 4 hs chia sẻ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  GV nhận xét, bổ sung theo định hướng kết nối với VB. | \* Giống:  - Mượn chuyện về đồ vật, loài vật, cây cỏ,…để gián tiếp nói chuyện con người, nêu lên triết lý nhân sinh và những bài học kinh nghiệm về cuộc sống.  \* Khác:  - Được kể bằng văn vần.  - Thay vì dùng hình ảnh con vật, câu chuyện lấy nhân vật là các bộ phận trên cơ thể người để nêu lên bài học về lòng đoàn kết. |

**4. HĐ 4: Hoạt động vận dụng, mở rộng**

**a. Mục tiêu:** vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong  
học tập và thực tiễn.  
**b. Nội dung:** Liên hệ với truyện ngụ ngôn khác

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Giao nhiệm vụ:** Tìm đọc truyện ngụ ngôn Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng của Việt Nam, so sánh với truyện ngụ ngôn trên của Ê- dốp và nêu nhận xét của em?  **B2: HSThực hiện nhiệm vụ** ở nhà |  |

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết:**

**BÀI 6:**

**Thực hành đọc hiểu**

**TỤC NGỮ VỀ THIÊN NHIÊN, LAO ĐỘNG**

**VÀ CON NGƯỜI, XÃ HỘI**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức và nội dung của tục ngữ

- Biết vận dụng tục ngữ trong đời sống

**2*.* Về phẩm chất*:***

Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn và ham học hỏi; tự tin, dám chịu trách nhiệm

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.

**III.Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu**: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Nội dung**: HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và chia sẻ.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| 1. Chuyển giao nhiệm vụ  - Nhiệm vụ: Tìm và đọc các câu tục ngữ liên quan - Phương án thực hiện:  + Thực hiện trò chơi “Đố vui”  + Luật chơi: Mỗi đội có 8 hs tham gia trong vòng 30 giây các đội lần lượt đọc các câu tục ngữ theo hình ảnh gợi ý  - Thời gian: 5 phút  - Sản phẩm: Các câu tục ngữ  2. Thực hiện nhiệm vụ:  \* Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:  + lập đội chơi  + chuẩn bị tinh thần thi đấu  + thực hiện trò chơi theo đúng luật  \* Giáo viên:  - Tổ chức cho hs chơi trò chơi  - Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh  3. Báo cáo kết quả:  - Học sinh mỗi đội thống kê và báo cáo số lượng câu tục ngữ đã đọc được trong thời gian quy định  4. Nhận xét, đánh giá:  - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung  - Giáo viên nhận xét, đánh giá:  + tinh thần, ý thức hoạt động học tập  + kết quả làm việc  + bổ sung thêm nội dung (nếu cần) | Câu trả lời của mỗi cá nhân HS |

**2. HĐ 2: Thực hành đọc hiểu**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức và nội dung của tục ngữ

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng KT đọc mẫu, đọc sáng tạo để hướng dẫn HS đọc văn bản; sử dụng KT đặt câu hỏi, khăn phủ bàn để tìm hiểu nội dung văn bản.

**HS** dựa vào phần chuẩn bị ở nhà để làm việc cá nhân và trả lời những câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, chia sẻ và PHT của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **I.Tìm hiểu chung** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  -GV Hướng dẫn HS cách đọc  ? Có thể chia các câu tục ngữ trong văn bản thành mấy nhóm? Đó là những nhóm nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**Đọc văn bản, trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo, HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái học tập và sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | I. Tìm hiểu chung  - Nhóm tục ngữ về thiên nhiên và lao động  - Nhóm tực ngữ về con người, xã hội |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Chia lớp thành các nhóm nhỏ để tìm hiểu ý nghĩa của các câu tục ngữ, hoàn thành phiếu học tập  (Các nhóm có thể lựa chọn các câu tục ngữ để trình bày )   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 1.Nêu cách hiểu của em về các câu tục ngữ | | |  | | Câu tục ngữ | Nghệ thuật | Nội dung | | | Tục ngữ về TN, LĐ |  |  | | | Tục ngữ về con người, xã hội |  |  | | | 2.Những câu tục ngữ có ý nghĩa gì đối với đời sống thực tiễn của con người?  ……………………………………… | | | |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** thảo luận theo nhóm, hoàn thiện phiếu học tập  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **Đại diện nhóm** trả lời câu hỏi; nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét phần trình bày của các nhóm  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Tục ngữ về thiên nhiên, lao động**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu tục ngữ | Nghệ thuật | Nội dung | | Câu 1 | gieo vần lưng | Khi trên trời xuất hiện ráng có sắc vàng giống màu mỡ gà tức là trời sắp có bão, người dân cần chủ động phòng chống bão, giữ gìn nhà cửa, tài sản. | | Câu 4 | điệp ngữ, vần lưng | Người đi đánh bắt tôm cá muốn bắt được nhiều tôm thì nên đi vào lúc chập tối; muốn bắt được nhiều cá nên đi câu vào lúc hửng sáng. | | Dựa vào nội dung các câu tục ngữ, nhân dân có thể đoán được thời tiết, biết cách lao động, sản xuẩt | | |   **2. Tục ngữ về con người, xã hội**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu tục ngữ | Nghệ thuật | Nội dung | | Câu 5 | Ẩn dụ, đối | Khó khăn về vật chất vẫn phải sống trong sạch, thiện lương. | | Câu 8 | Ẩn dụ | Khi được hưởng thành quả nào đó, phải nhớ đến người có công xây dựng nên, phải biết ơn người đã giúp mình. | | Những câu tục ngữ về con người, xã hội là bài học về phẩm chất đạo đức, lối sống để từ đó, con người hoàn thiện bản thân hơn. | | | |

**3. HĐ 3: Hoạt động luyện tập**

**a. Mục tiêu**:củng cố kiến thức, kĩ năng đã học.

**b. Nội dung***:* HS củng cố kiến thức về đọc hiểu VB truyện; thực hành viết đoạn văn ngắn từ một nội dung của truyện.

**c. Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Theo em, vì sao nói: Tục ngữ là kho tàng trí tuệ của nhân dân?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động theo cặp  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  Gọi 3- 4 hs chia sẻ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  GV nhận xét, bổ sung theo định hướng kết nối với VB. | Vì tục ngữ được đúc rút ra từ sự từng trải, những kinh nghiệm từ thực tế cuộc sống của nhân dân. Trải qua nhiều quá trình, sự lặp đi lặp lại của tự nhiện, xã hội, nhân dân ta đã đúc kết nó thành những kinh nghiệm quý báu không chỉ phục vụ cho sản xuất mà còn phục vụ cho cả xã hội. Vì vậy, tục ngữ chính là kho tàng trí tuệ của nhân dân. |

**4. HĐ 4: Hoạt động vận dụng, mở rộng**

**a. Mục tiêu:** vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong  
học tập và thực tiễn.  
**b. Nội dung:** Liên hệ với bản thân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Giao nhiệm vụ:** Nêu một số câu tục ngữ em thấy có ích với cuộc sống của chính mình?  **B2: HS Thực hiện nhiệm vụ**  Cá nhân HS suy nghĩ và trả lời  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  Gọi 3- 4 hs chia sẻ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  GV nhận xét, bổ sung theo định hướng kết nối với VB. |  |

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết:**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận diện được kiểu bài nghị luận phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học.

- Nắm được các bước viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học.

**2. Về năng lực:**

**-** Biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn

**3. Về phẩm chất:**

**-** Biết yêu thích, tìm hiểu, khám phá vẻ đẹp của một tác phẩm văn học

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá…

**III.Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**:

Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:**

HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Yêu cầu:** GV yêu cầu HS kể tên một số truyện ngụ ngôn mà em đã học, đã đọc và nêu ấn tượng, cảm nhận riêng của mình về một nhân vật trong truyện ngụ ngôn mà em thích nhất

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ cảm nhận cá nhân

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

🡺**GV dẫn dắt vào nội dung tiết học**: Khi đọc một tác phẩm truyện nói chung và truyện ngụ ngôn nói riêng, chắc hẳn sẽ có những nhân vật để lại cho em những ấn tượng sâu sắc và muốn viết bài văn chia sẻ ý kiến của mình về đặc điểm của nhân vật ấy. Vậy làm thế nào để phân tích đặc điểm của nhân vật trong một truyện ngụ ngôn? Làm sao để thuyết phục được người đọc, người nghe về ý kiến, quan điểm của mình? Phần bài học này sẽ giúp các em giải đáp những câu hỏi ấy.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1: Tìm hiểu các yêu cầu của bài văn phân tích đặc điểm nhân vật**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  HS nhớ lại kiến thức bài 3 ( học kì I), đọc phần Định hướng (sách giáo khoa trang 14) và trả lời các câu hỏi:  + *Thế nào là phân tích đặc điểm nhân vật?*  *+ Đặc điểm của nhân vật thường được thể hiện qua những phương diện nào?*  *+ ? Bài phân tích đặc điểm nhân vật thuộc thể loại nào?*  *+ ? Để viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn, em cần chú ý những yêu cầu nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  GV chuẩn hoá kiến thức: | **I. Tìm hiểu chung về bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn.**  **1. Phân tích đặc điểm nhân vật là gì?**  - **Phân tích đặc điểm nhân vật là nêu lên nhận xét về các đặc điểm của nhân vật và làm sáng tỏ các đặc điểm ấy.**  **- Đặc điểm của nhân vật thường được thể hiện qua những nét tiêu biểu như: lai lịch, hoàn cảnh, hình dáng, cử chỉ, hoạt động, lời nói, ý nghĩ….**  **2. Yêu cầu đối với kiểu bài phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn:**  **- Giới thiệu được nhân vật cần phân tích:**  **Nhân vật trong truyện ngụ ngôn có thể là con người, có thể là sự vật hoặc các con vật được nhân hoá, có đặc điểm như con người.**  **- Nêu nhận xét về đặc điểm nhân vật và phân tích, làm sáng tỏ đặc điểm ấy thông qua những chi tiết tiêu biểu.**  **- Bố cục của bài viết cần đảm bảo:**  **+ *Mở bài:* Giới thiệu cần phân tích và khái quát đặc điểm nổi bật của nhân vật.**  ***+ Thân bài:* Lần lượt phân tích và làm sáng tỏ từng đặc điểm của nhân vật thông qua các chi tiết cụ thể trong tác phẩm ( lai lịch, hoàn cảnh, cử chỉ, hành động, suy nghĩ…)**  ***+ Kết bài:* Khái quát lại đặc điểm của nhân vật, nêu ý nghĩa hoặc rút ra bài học sâu sắc.** |

**2.2. Thực hành viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được các bước viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật

**-** Biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn

**b.** **Nội dung hoạt động**:

- HS đọc yêu cầu bài tập trong SGK, thực hành theo các bước tạo lập văn bản.

- Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.

**c. Sản phẩm**: Bài viết của HS

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS lập dàn ý, viết bài.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**   * GV yêu cầu HS đọc đề bàivà thực hiện các bước tạo lập văn bản:   + GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi viết bài  + GV hướng dẫn HS xác định đặc điểm nhân vật ( theo bảng hướng dẫn)  - GV hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý:  + HS tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi  + HS lập dàn ý cho bài văn theo bố cục 3 phần: MB – TB – KB   * Hướng dẫn HS viết thành bài hoàn chỉnh. * Hướng dẫn HS dùng bảng kiểm bài văn phân tích đặc điểm nhân vật để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + GV quan sát, tổ chức cho 2 HS trao đổi bài, tiếp tục dùng bảng kiểm để góp ý cho nhau và chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết.   * HS thảo luận, trình bày kinh nghiệm đã học được từ quá trình viết của bản thân và những gì học hỏi được từ bạn.   **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn.   * GV rút ra kinh nghiệm viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học | **II.Thực hành**  **Đề bài: *Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật người thợ mộc trong truyện ngụ ngôn “Đẽo cày giữa đường”.***  **1. Bước 1: Chuẩn bị**  - Đọc và xác định yêu cầu của bài tập  - Đọc lại truyện, xem lại nội dung đọc hiểu truyện ngụ ngôn “Đẽo cày giữa đường”  (-> Nội dung: Kể về một anh thợ mộc dốc hết vốn mua gỗ về đẽo cày bán. Khi đẽo cày ai khuyên gì anh ta cũng làm theo và kết quả là không có tác dụng gì và vốn liếng đi đời nhà ma)  - Xác định đặc điểm nhân vật mà em định viết ( có thể theo bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | Nhân vật cần phân tích: ……………….  Truyện: ……………………………… | | | Phương diện | Biểu hiện trong truyện | | Hoàn cảnh |  | | Cử chỉ, hành động |  | | Suy nghĩ |  | | …. |  | | -> ***Đặc điểm nhân vật:*** một người không có chính kiến lập trường riêng; người thiếu kiến thức, thiếu bản lĩnh. | |   **2**.**Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**  **- HS tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:**  **+** Truyện viết về sự kiện gì, có những nhân vật nào, ai là nhân vật chính?  + Nhân vật chính là người như thế nào? (Nêu các đặc điểm của nhân vật và các biểu hiện cụ thể trong tác phẩm).  + Em có nhận xét, đánh giá gì về nhân vật? (Nêu lên những cảm xúc, suy nghĩ về đặc điểm của nhân vật,...).  ***- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:***  ***Mở bài*:** Giới thiệu đặc điểm nổi bật của nhân vật người thợ mộc trong truyện ngụ ngôn Đẽo cày giữa đường.  ***Thân bài*:**  + Lần lượt phân tích và làm sáng tỏ từng đặc điểm của nhân vật người thợ mộc thông qua các chi tiết cụ thể (hoàn cảnh, cử chỉ, hành động, ý nghĩ,...).  + Nêu nhận xét của em về nhân vật người thợ mộc.  ***Kết bài*:** Qua việc phân tích đặc điểm nhân vật người thợ mộc, nêu lên ý nghĩa hoặc bài học sâu sắc.  **3. Bước 3: Viết**  Dựa vào dàn ý, viết thành bài văn  **4. Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa bài viết**  - Kiểm tra lại xem bài viết đã đầy đủ, chính xác như yêu cầu của để bài hay chưa.  -Tự phát hiện và biết cách sửa các lỗi về viết như:  +Lỗi về ý: thiếu ý (ý sơ sài, chưa nêu hết được những điều cần nói), ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí), lạc ý (nếu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu); ý tản mạn (nếu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết),...  + Lỗi về diễn đạt (dùng từ, viết câu), chính tả,... |
|  | |

**Hướng dẫn về nhà**

* Hoàn thiện lại bài viết theo bảng kiểm.
* Chuẩn bị bài nói và nghe: Kể lại một truyện ngụ ngôn.

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**NÓI VÀ NGHE: KỂ LẠI MỘT TRUYỆN NGỤ NGÔN**

**I. Mục tiêu:**

**1. Về kiến thức:**

- HS nhận biết được yêu cầu, mục đích của bài nói và nghe: Kể lại một truyện ngụ ngôn

**2. Về năng lực:**

**-** HS rèn luyện và phát triển kĩ năng nói và nghe về một truyện ngụ ngôn

- Có khả năng nắm bắt được thông tin bài nói của các bạn, có thể đưa ra nhận xét, góp ý cho bạn.

- HS tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**3. Phẩm chất**

- Tự tin thể hiện bản thân

- Biết lắng nghe

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III.Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV mở youtube cho HS nghe kể truyện ngụ ngôn: *Hai chú Gấu tham ăn*

? Nhận xét về ngôi kể và giọng kể trong đoạn video đã xem.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS đưa ra nhận xét về ngôi kể, giọng kể.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

**GV dẫn dắt vào nội dung tiết học**: Em đã được học, đọc thêm và nghe kể nhiều truyện ngụ ngôn. Giờ học hôm nay sẽ giúp các em biết cách kể lại một truyện ngụ ngôn, biết vận dụng và thưởng thức những cách kể khác nhau để rèn kĩ năng kể chuyện cho mình.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới và thực hành**

**2.1: Tìm hiểu các yêu cầu của bài nói kể lại một truyện ngụ ngôn**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được định nghĩa và các yêu cầu chung của bài nói, nghe kể về một truyện ngụ ngôn

**b. Nội dung**: HS xác định được nội dung của tiết học nói và nghe kể về truyện ngụ ngôn **c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài nói, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  + *Thế nào là viết bài nói kể lại một* truyện ngụ ngôn  *+ Theo em, trong bài nói kể về một* truyện ngụ ngôn, *người nói nên xưng ở ngôi thứ mấy?*  *+ Bài nói kể lại một* truyện ngụ ngôn *cần chú ý những yêu cầu nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức:** | **I. Tìm hiểu chung về bài nói kể lại một truyện ngụ ngôn**  **1. Khái niệm**: Kể lại một truyện ngụ ngôn là hình thức dùng lời của em để kể cho người khác nghe về một câu chuyện đã học hay đã đọc.  Truyện ngụ ngôn được kể lại có thể là truyện Việt Nam hoặc nước ngoài  **2. Yêu cầu chung:** Để kể lại một truyện ngụ ngôn, cần:  - Lựa chọn truyện ngụ ngôn mà em yêu thích  - Bám sát cốt truyện nhưng kể lại bằng lời của người kể, kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ để thể hiện suy nghĩ, cảm xúc và thái độ của mình sinh động hơn  - Lập dàn ý cho bài kể  - Khi kể, phải dùng từ ngữ chính xác, trình bày nội dung rõ ràng, mạch lạc; biết sử dụng điệu bộ, cử chỉ để hỗ trợ, nhằm giúp cho người nghe tiếp nhận đạt hiệu quả cao nhất; sử dụng những cách nói thú vị, dí dỏm, hài hước.  - Đảm bảo thời gian theo quy định. |

**2.2: Thực hành nói và nghe**

**a. Mục tiêu:**

**-** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp;

- HS được rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi khi thực hiện bài nói trước tập thể

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm và nhận xét phần trình bày của bạn.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS, phần ý kiến, nhận xét của người nghe.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  ?**Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau**:  - Bài nói nhằm mục đích gì?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  **? Hãy tìm ý và lập dàn ý cho bài nói của mình?**  - Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS xem lại nội dung đọc hiểu truyện ngụ ngôn “ Ếch ngồi đáy giếng”  + HS tìm ý, lập dàn ý cho bài nói.  + HS tập trình bày sản phẩm một mình, trước nhóm; các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  Em hãy tự tập luyện bằng cách:  - Đứng trước gương để tập kể lại câu chuyện.  - Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói**.**  - Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau.  - Đối chiếu bảng kiểm bài nói để kiểm tra, tự chỉnh sửa phần nói của mình. | **II. Thực hành nói và nghe**  ***Đề bài***: Kể lại truyện ngụ ngôn “Ếch ngồi đáy giếng”.  **1. Trước khi nói**  **a. Chuẩn bị nội dung nói**  **-** Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói (trình bày).  - Xem lại nội dung đọc hiểu truyện ngụ ngôn “ Ếch ngồi đáy giếng”  - Chuẩn bị các từ, câu dẫn dắt, chào hỏi, kết nối các phần.  - Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,… cho phù hợp với sự việc, nội dung câu chuyện.  - Chuẩn bị các phương tiện như tranh ảnh, video…và máy chiếu, màn hình ( nếu có)  **b. Tìm ý, lập dàn ý**  ***- Tìm ý cho bài nói bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:***  + Truyện ngụ ngôn kể về sự kiện gì? (Truyện kể về sự kiện: ếch ở dưới giếng lâu ngày nên chỉ thấy bầu trời thông qua miện giếng và thấy bầu trời bé bằng chiếc vung.)  + Truyện có nhân vật chính nào? (Nhân vật chính: chú ếch)  + Diễn biến câu chuyện (mở đầu, phát triển, kết thúc) ra sao? ( Diễn biến câu chuyện: Mở đầu: giới thiệu chú ếch và hoàn cảnh sống-> phát triển: chú ếch kêu to, ra oai với mọi người và nghĩ mình là nhất. Một hôm ra khỏi giếng vẫn giữ thói hung hang ngang tàng -> kết thúc: bị trâu giẫm bẹp.)  + Bài học rút ra từ câu chuyện là gì? (Môi trường sống nhỏ hẹp, tù túng, không giao lưu làm hạn chế hiểu biết về thế giới xung quanh. Sống lâu trong môi trường nhỏ hẹp sẽ dần hạn chế sự hiểu biết. Từ những hiểu biết hạn hẹp, dễ trở nên nông cạn, chủ quan, kiêu ngạo sẽ phải trả giá rất đắt)  ***- Lập dàn ý cho bài nói bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:***  **+ Mở đầu**  Giới thiệu khái quát về truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng.*  **+ Nội dung chính**  Lựa chọn và sắp xếp các ý tìm được từ truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng* theo một trình tự hợp lí.  **+ Kết thúc**  Nhận xét, đánh giá chung về nhân vật con ếch trong câu chuyện.  Nêu ý nghĩa và bài học cho bản thân từ truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng*.  **c. Luyện tập nói**  **d. Chỉnh sửa bài nói**  \* **Bảng kiểm bài nói:** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - Gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **2. Trình bày bài nói.**  **Khi thực hiện bài kể chuyện cần lưu ý:**  - Dựa vào dàn ý để kể lại truyện ngụ ngôn trước tổ, lớp.  - Bảo đảm nội dung kể, tránh viết thành văn để đọc; sử dụng điệu bộ sao cho hấp dẫn, lôi cuốn người nghe; sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.  - Thực hiện đúng thời gian dự kiến; điều chỉnh giọng nói, cách kể; quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.  - Có thể trả lời câu hỏi của người nghe trong và sau khi kể. |
| **\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **\* Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **3. Trao đổi, thảo luận về bài nói**  **Người nghe:**  - Tóm tắt được nội dung câu chuyện do người khác trình bày.  - Có thể nêu ý kiến của mình nếu thấy có sự khác biệt.  - Nhận xét được điểm mạnh và điểm yếu về cách thức trình bày của người nói ( đối chiếu bảng kiểm)  - Đặt câu hỏi về những vấn đề mà bản thân chưa rõ hay muốn rõ hơn. |



